TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2023/HS-ST
Ngày 15 - 12 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sâm

Ông Lê Đăng Thiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tho Xuân, tỉnh Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 78/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023,

Đối với các bị cáo:

1. **Đỗ Xuân Q**, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2001 tại: Xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn V, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Xuân B và bà Ninh Thị T; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án:

- Ngày 25/01/2021 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xử phạt 14 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản";
- Ngày 22/3/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt 23 tháng tù. Ngày 28/6/2022 chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giữ ngày 26/8/2023, chuyển tạm giam từ ngày 01/9/2023 đến nay; Có mặt.

2. **Nguyễn Tùng D**, sinh ngày 05 tháng 6 năm 1999 tại: Xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình D1 và bà Lê Thị H; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ ngày 26/8/2023, chuyển tạm giam từ ngày 01/9/2023 đến nay; Có mặt.

- *Bị hại:*

1. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1999, địa chỉ: Khu B, thị trấn M, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

2. Chị Lê Hà T2, sinh năm 2003, địa chỉ: Khu B, thị trấn M, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

3. Ông Lê Đình L, sinh năm 1977, địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1982, địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Vũ Minh T3, sinh năm 1985, địa chỉ: Khu F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Trịnh Huy C, sinh năm 1980, địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

2. Vũ Thị T4, sinh năm 1994, địa chỉ: Thôn V, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

3. Hà Trọng M, sinh năm 1996, địa chỉ: Thôn G, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 25/8/2023, tại nhà nghỉ T6 ở xã T, huyện T. Đỗ Xuân Q rủ Nguyễn Tùng D đến xã X, huyện T để tìm quán chơi game. Đến khoảng 01 giờ ngày 26/8/2023, trên đường đi, Q phát hiện nhà anh Lê Đình L (sinh năm 1977, trú tại thôn P, xã T, huyện T) còn để điện sáng, cửa phòng khách không khóa. Quí nảy sinh ý định đột nhập vào trộm cắp tài sản, nên bàn với D. D đồng ý đứng ngoài cảnh giới cho Q. Quí trèo qua cửa cổng, lén lút đi vào phòng khách lấy được một thẻ căn cước công dân (mang tên Lê Tùng A), một điện thoại Samsung Galaxy A22 (điện thoại của bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1982). Q tiếp tục đi vào phòng ngủ thấy có người đang nằm ngủ, trên bàn học có một túi xách màu đen. Quí kiểm tra túi thấy có tiền nên lấy tiền bỏ vào túi quần (số tiền của anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1999 và chị Lê Hà T2, sinh năm 2003, trú tại khu B, thị trấn M, huyện

M). Quí đi tiếp vào gian bên trong, trên bàn trang điểm có một điện thoại Iphone 12 Promax (điện thoại của anh T1) đang sạc pin nên lấy bỏ vào túi quần. Sau đó, Q ra ngoài gặp D và đi về nhà nghỉ T6. Trên đường về, Q nói với D lấy được hai điện thoại, đưa cho D căn cước công dân và điện thoại Iphone 12 Promax. Dương cầm điện thoại và vứt căn cước công dân trên đường đi. Về đến phòng nghỉ, Q vào nhà vệ sinh đếm tiền lấy trộm được 14.600.000 đồng.

Đến khoảng 06 giờ ngày 26/8/2023, Quí dung tài khoản Facebook gọi cho anh Hà Trọng M (sinh năm 1996, trú tại thôn G, xã X, huyện T) để thuê xe taxi chở Q và D sang thị trấn T. Quí và D vào cửa hàng Đ ở khu F, thị trấn T, huyện T bán chiếc điện thoại Iphone 12 Promax cho chủ quán là anh Vũ Minh T3 (sinh năm 1985) với giá 4.000.000 đồng. Anh T3 đưa cho Q 2.000.000 đồng tiền mặt và chuyển khoản cho Q 2.000.000 đồng. Q đưa cho D 2.000.000 đồng và bảo anh M chở đi ăn sáng. Khi D vào quán ăn sáng, Q nói anh M đưa quay lại cửa hàng Đ. Quí đưa 5.000.000 đồng nhờ anh T3 chuyển khoản trả tiền vay nợ cho chị Vũ Thị T4 (sinh năm 1994, trú tại thôn V, xã X, huyện T).

Q dùng tiền trộm cắp (14.600.000 đồng), tiền bán điện thoại (2.000.000 đồng) và tiền cá nhân trả nợ chị T4 (5.000.000 đồng). Số tiền còn lại, Q1 tiêu xài cá nhân còn lại 11.400.000 đồng. Kiểm tra tài khoản của Q không còn tiền.

D dùng tiền bán điện thoại (2.000.000 đồng) mua điện thoại Iphone 6 (giá 600.000 đồng) của anh Trịnh Huy C (sinh năm 1980, trú tại thôn P, xã T, huyện T). Số tiền còn lại, D tiêu xài cá nhân hết.

Sáng ngày 26/8/2023, ông L phát hiện gia đình bị trộm cắp nên trình báo cơ quan chức năng. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Cơ quan điều tra đã bắt giữ khẩn cấp đối với Q và D tại nhà nghỉ T7. Thu giữ của Q điện thoại Samsung Galaxy A22, số tiền 11.400.000 đồng; thu giữ của D điện thoại Iphone 6. Anh Lê Văn T5 tự nguyện giao nộp điện thoại Iphone 12 Promax cho Cơ quan điều tra.

Ngày 26/8/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã ra Yêu cầu định giá tài sản đối với số tài sản đã trộm cắp. Ngày 29/8/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện T có Kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐG kết luận: Giá trị còn lại của tài sản cần định giá (02 điện thoại di động) là 15.610.000 đồng.

Qúa trình điều tra xác định: Anh Vũ Minh T3 không biết tài sản đã mua của Q và D là tài sản trộm cắp. Chị Vũ Thị T4 được Q trả nợ số tiền 5.000.000 đồng và đã sử dụng hết; chị T4 không biết đây là số tiền do bị cáo Q1 trộm cắp mà có.

Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại cho bị hại gồm: 01 điện thoại Samsung Galaxy A22; 01 điện thoại Iphone 12 Promax và số tiền 11.400.000 đồng.

- Đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, thu giữ của bị cáo D, hiện đang được quản lý theo quy định.

Về phần dân sự:

- Bị hại là anh Nguyễn Văn T1 và chị Lê Hà T2 khai nhận số tiền bị trộm cắp là 30.500.000 đồng và yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Bị hại là ông Lê Đình L và bà Nguyễn Thị H1 không có yêu cầu bồi thường gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Minh T3 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường lại số tiền 4.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 90/CT-VKSTX ngày 15/11/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố các bị cáo Đỗ Xuân Q và Nguyễn Tùng D về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Đỗ Xuân Q và Nguyễn Tùng D đều thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu là đúng và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo không có ý kiến gì về Kết luận định giá tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử,

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đỗ Xuân Q và Nguyễn Tùng D phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Xuân Q từ 21 đến 24 tháng tù;

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tùng D từ 9 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo; Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Về phần dân sự: Buộc bị cáo Đỗ Xuân Q phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn T1 và Lê Hà T2 số tiền 3.200.000 đồng; bồi thường cho anh Vũ Minh T3 2.000.000 đồng. Buộc bị cáo Nguyễn Tùng D bồi thường cho anh Vũ Minh T3 2.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc các bị cáo Đỗ Xuân Q và Nguyễn Tùng D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định.

Các bị cáo không tranh luận. Lời nói sau cùng các bị cáo đều có ý kiến xin được giảm nhẹ mức hình phạt, được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định

của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay, là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời trình bày của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận định giá tài sản, Kết luận giám định hình ảnh, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 01 giờ ngày 26/8/2023, Đỗ Xuân Q và Nguyễn Tùng D đã bàn bạc, thống nhất với nhau đột nhập vào nhà anh Lê Đình L tại thôn P, xã T, huyện T để trộm cắp tài sản. D đứng bên ngoài làm nhiệm vụ cảnh giới, còn Q lén lút đột nhập vào nhà anh Lê Đình L trộm cắp được các tài sản gồm: 02 chiếc điện thoại di động trị giá 15.610.000 đồng và số tiền 14.600.000 đồng. Sau khi trộm cắp được tài sản Q chỉ nói cho D biết là trộm được 02 chiếc điện thoại, nên D chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 15.610.000 đồng. Quí phải chịu trách nhiệm hình sự đối với giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 30.210.000 đồng.

Các bị cáo Đỗ Xuân Q và Nguyễn Tùng D có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do đó, hành vi của các bị cáo Đỗ Xuân Q và Nguyễn Tùng D đã phạm vào tội "trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tuy nhiên, xét các bị cáo với mục đích vụ lợi, đã bất chấp pháp luật để chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây tâm lý hoang mang, lo lắng, bất bình trong nhân dân, đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Vì vậy, cần thiết phải xử lý vụ án nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo, cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

[4] Đánh giá vai trò các bị cáo: Vụ án có 02 bị cáo tham gia, nhưng không có tính tổ chức, mà chỉ là trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đó bị cáo Đỗ Xuân Q thực hiện với vai trò chủ mưu và thực hành; bị cáo Nguyễn Tùng D thực hiện với vai trò đồng phạm giúp sức.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Đỗ Xuân Q đã 02 lần bị Tòa án kết án phạt tù về tội "cướp giật tài sản" và tội "trộm cắp tài sản", bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 28/6/2022, nhưng chưa được xóa án tích, nên bị cáo phải chịu 02 tiền án. Bị cáo Nguyễn Tùng D phạm tội lần đầu; chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Đỗ Xuân Q đang có tiền án, nay lại tiếp tục phạm tội do cố ý, nên bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng là "tái pham" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Tùng D không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều, tra truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Đỗ Xuân Q và Nguyễn Tùng D đều đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của minh và tỏ ra ăn năn hối cãi, nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo D, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D, nên bị cáo D còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy:

Bị cáo Nguyễn Tùng D nhất thời phạm tội ít nghiêm trọng, ở vai trò thứ yếu; tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu giữ và trả lại cho người bị hại; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và có khả năng tự cải tạo, nên bị cáo có đủ các điều kiện để được cho hưởng án treo. Vì vậy, xét không cần thiết phải cách ly bị cáo D ra khỏi đời sống xã hội, mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, xử cho bị cáo D được hưởng án treo theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, như vậy cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Đối với bị cáo Đỗ Xuân Q, bị cáo có nhân thân xấu, phạm tội với vai trò là người chủ mưu và thực hành tích cực, nên cần thiết phải xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù, như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, như vậy mới đảm bảo được tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Đối với thời gian bị cáo Đỗ Xuân Q đã bị tạm giam trong vụ án, sẽ được tính vào thời gian chấp hành hình phạt tù cho bị cáo. Bị cáo Nguyễn Tùng D bị xử phạt tù, nhưng được hưởng án treo, nên quyết định trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập; hoàn cảnh khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về phần dân sự: Bị hại anh Nguyễn Văn T1 và chị Lê Hà T2 khai báo bị mất trộm số tiền 30.500.000 đồng. Tuy nhiên quá trình điều tra chỉ có cơ sở xác định bị hại có bị mất trộm số tiền 14.600.000 đồng. Qúa trình điều tra, Cơ quan điều tra đã giao trả lại anh Nguyễn Văn T1 và chị Lê Hà T2 số tiền 11.400.000 đồng, như vậy cần buộc bị cáo Q phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T1 và chị

Lê Hà T2 số tiền là 3.200.000 đồng. Bị hại là ông Lê Đình L và bà Nguyễn Thị H1 không có yêu cầu bồi thường gì, nên không xét.

Đối với yêu cầu bồi thường của người có quyền lợi, liên quan Vũ Minh T3 buộc các bị cáo Q và D phải bồi thường số tiền 4.000.000 đồng là có cơ sơ, nên được chấp nhận. Vì vậy cần buộc các bị cáo Q và D phải bồi thường cho anh T3 số tiền là 4.000.000 đồng, chia phần mỗi bị cáo phải bồi thường là 2.000.000 đồng.

[11] Về vật chứng vụ án và đồ vật, tài liệu thu giữ: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ làm rõ và trả lại 02 điện thoại di động, số tiền 11.400.000 đồng cho các bị hại, là phù hợp. Đối với 01 điện thoại Iphone6 thu giữ của bị cáo D, bị cáo mua từ số tiền bán tài sản trộm cắp mà có; điện thoại hiện tại không hoạt động được, nên bị cáo D có ý kiến không xin nhận lại, vì vậy cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[12] Về các tình tiết liên quan vụ án: Anh Vũ Minh T3 không biết tài sản đã mua của Q và D là tài sản trộm cắp, nên không xử lý là phù hợp. Chị Vũ Thị T4 được Q trả nợ số tiền 5.000.000 đồng và đã sử dụng hết, nhưng do chị T4 không biết đây là số tiền do bị cáo Q trộm cắp ma có, nên không xử lý là phù hợp.

[13] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[14] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 17; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đỗ Xuân Q;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 17; khoản 1 Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tùng D;

Căn cứ vào vào điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293; khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đỗ Xuân Q và Nguyễn Tùng D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Đỗ Xuân Q 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/8/2023.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tùng D 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Tùng D.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đỗ Xuân Q phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T1 và chị Lê Hà T2 số tiền 3.200.000 đồng; bồi thường cho anh Vũ Minh T3 số tiền 2.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Tùng D phải bồi thường cho anh Vũ Minh T3 số tiền 2.000.000 đồng.

3. Về án phí: Các bị cáo Đỗ Xuân Q và Nguyễn Tùng D, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 500.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Tiến

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/TB-TA	*Thọ Xuân, ngày 05 tháng 01 năm 2024*

THÔNG BÁO
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN

Căn cứ các điều 45, 260 và 261 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét thấy Bản án hình sự sơ thẩm số: 75/2023/HS-ST ngày 15/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đối với các bị cáo Đỗ Xuân Q và Nguyễn Tùng D có lỗi cần được sửa chữa, bổ sung như sau:

- Về nội dung tại dòng thứ 15, 24, 26, 29 từ trên xuống dưới trang 4; dòng thứ 31 từ trên xuống dưới trang 5; dòng thứ 35 từ trên xuống dưới trang 7 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi:

"… điểm b khoản 1 Điều 173 …".

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau:

"…khoản 1 Điều 173 …".

- Về nội dung tại dòng thứ 38 từ trên xuống dưới trang 7 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi:

"Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 17; khoản 1 Điều 38; điểm i, s khoản 1,".

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau:

"Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm i, s khoản 1,.".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Công an huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Tiến

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA

Số: 03/TB-TA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thọ Xuân, ngày 08 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN

Căn cứ các điều 45, 260 và 261 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét thấy Bản án hình sự sơ thẩm số: 75/2023/HS-ST ngày 15/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đối với các bị cáo Đỗ Xuân Q và Nguyễn Tùng D có lỗi cần được sửa chữa, bổ sung như sau:

- Về nội dung tại dòng thứ 13 từ dưới lên trên trang 8 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi:

"3. Về án phí: …".

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau:

"3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, số imei 354448061390772, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0325126833, điện thoại đã qua sử dụng. Hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, hiện trạng theo như Biên bản giao nhận vật chứng số 23 ngày 28/11/2023.

4. Về án phí: …".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Công an huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Tiến